

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/LĐ-PT

Ngày: 30 - 6 - 2020

V/v Đơn phương chấm dứt hợp đồng
lao động, về bồi thường thiệt hại khi
chấm dứt hợp đồng lao động.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Công Phương.

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Thắm.

Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyên Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Đào Thanh Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2020/TLPT-LĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020 về việc tranh chấp “*Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, về bồi thường thiệt hại khi chấm dứt hợp đồng*”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số: 01/2020/LĐ-ST ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 96/2020/QĐXXPT-LĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Nữ Ph; cư trú tại: Số nhà 282 đường Biên Cương, khối Biên Cương, phường B Sơn, thị xã H Nhơn, tỉnh Bình Định.

Đại diện theo ủy quyền của bà Trần Nữ Ph: Ông Nguyễn Thanh B; cư trú tại: Số nhà 282 đường Biên Cương, khối Biên Cương, phường B Sơn, thị xã H Nhơn, tỉnh Bình Định (có mặt).

- *Bị đơn*: Hiệu trưởng Trường Mầm Non A - Bà Trần Thị L; cư trú tại: Thôn Vạn Hội 2, xã Ân Tín, huyện H, tỉnh Bình Định (có mặt).

Địa chỉ trụ sở Trường Mầm Non A: Thôn M, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ủy ban nhân dân huyện H,.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Phi L – Chủ tịch.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Minh Đ – Trưởng phòng nội vụ huyện H (Giấy ủy quyền ngày 27/12/2019)(có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Phòng Giáo dục và đào tạo huyện H, tỉnh Bình Định.

Đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Thu H – Trưởng phòng.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Tr – Phó trưởng phòng (có mặt).

- *Người kháng cáo*: Bà Trần Nữ Ph là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Nữ Ph trình bày:

Năm 2010, bà Ph được Ủy ban nhân dân huyện H bổ nhiệm vào ngạch viên chức, về làm kế toán trường mầm non Ân Tường Đ năm học 2009- 2010 theo Quyết định số: 3293/QĐ-CTUBND ngày 09/12/2010, mã ngạch 06032, bậc lương 1/12, hệ số 1,86 kể từ ngày 01/9/2010. Năm 2012, bà Phúc được nâng lương bậc 2/12, hệ số 2,06, năm 2014 bà Ph có quyết định chuyển về làm kế toán trường mầm non A theo Quyết định số: 91/QĐ-GDDT ngày 19/5/2014. Năm 2014, bà Ph được nâng lương bậc 3/12, hệ số 2,26. Năm 2016, bà Phúc được nâng lương bậc 4/12, hệ số 2,46. Từ tháng 11/2015 đến tháng 4/2016, bà Ph nghỉ thai sản, thì bà Trương Thị L (Hiệu trưởng) móc nối với kế toán Bùi Nữ Diễm T cố ý làm sai nguyên tắc nên bị xử lý chuyển đi nơi khác; bà Trần Thị L được điều về làm hiệu trưởng trường mầm non A. Do giữa bà Phúc và bà L không có quan hệ tốt, nên bà L đã ban hành Quyết định số: 76/QĐ-MNAM ngày 17/12/2018 chấm dứt hợp đồng làm việc đối với bà Phúc. Trong khi bà L và bà Phúc không ký hợp đồng làm việc, trong quá trình công tác, bà Phúc luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ, thế nhưng bà L đã quyết định chấm dứt hợp đồng làm việc với bà Phúc là trái pháp luật, làm xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Ph. Do vậy, bà Phúc khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quan hệ pháp luật hành chính, yêu cầu hủy Quyết định hành chính số: 76/QĐ-

MNAM ngày 17/12/2018 của hiệu trưởng trường Mầm Non A phục hồi lại vị trí công tác của bà Phúc như trước đây (kế toán trưởng), hoàn trả lại toàn bộ tiền lương cho bà Ph từ ngày bà Ph bị nghỉ việc cho đến khi kết thúc vụ án, công khai xin lỗi trước tập thể giáo viên của trường mầm non A.

Bị đơn hiệu trưởng trường mầm non A, bà Trần Thị L trình bày:

Bà không đồng ý với khởi kiện của bà Trần Nữ Ph. Lý do: Khi ban hành Quyết định số: 76/QĐ/MNAM ngày 17/12/2018 về việc chấm dứt hợp đồng làm việc đối với bà Ph là căn cứ theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 29 của Luật viên chức Nhà nước số: 58/2010/QH. Về thẩm quyền ban hành quyết định nêu trên là căn cứ khoản 2 Điều 29 Luật viên chức, căn cứ khoản 2, điểm a, b, c khoản 3 Điều 37 của Nghị định: 29/2012/NĐ-CP; Căn cứ vào công văn số: 568/UBND-NV ngày 10/01/2018; căn cứ thông báo số: 60/TB-GDĐT ngày 11/12/2018 của phòng Giáo dục và đào tạo huyện H; căn cứ vào hồ sơ đánh giá phân loại công chức, viên chức của năm học (2016-2017 và 2017-2018). Bà không đồng ý với 04 nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ph và ý kiến của luật sư phía nguyên đơn.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện H, ông Hồ Minh Đ trình bày:

Bà Trần Nữ Ph được xét tuyển vào viên chức theo Nghị định số: 116/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003, Nghị định số: 121/2006/NĐ-Cp ngày 23/10/2006 và thông tư số: 10/2004/TT-BNV của Bộ nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số: 116/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước, quy định về mẫu hợp đồng (Nay là Nghị định số: 29/2012/NĐ-CP và Thông tư số: 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012).

Bà Phúc được dự tuyển và trúng tuyển năm 2010 vào trường mầm non Ân Tường Đ, Hiệu trưởng trường mầm non Ân Tường Đ ký hợp đồng làm việc lần đầu vào ngày 03/3/2010 đến tháng 9/2010 (là thời gian thử việc 6 tháng). Sau đó, trường mầm non Ân Tường Đ đề nghị phòng giáo dục và đào tạo huyện H, phòng Giáo dục và đào tạo huyện có tờ trình Ủy ban nhân dân huyện H ra Quyết định bổ nhiệm ngạch viên chức đối với bà Phúc. Phòng Giáo dục và đào tạo huyện H ra quyết định bổ nhiệm ngạch viên chức đối với bà Ph. Phòng Giáo dục và đào tạo huyện H hướng dẫn hiệu trưởng trường mầm non Ân Tường Đ ký hợp đồng làm việc không xác định thời hạn đối với bà Ph và Trường trả lương. Đối với bà Ph là trung cấp nên thời hạn 02 năm nâng bậc lương, tại trường mầm non Ân Tường Đ nâng lương bậc 2/12, hệ

số 2,06 hưởng từ ngày 01/9/2012. Đến ngày 19/5/2014 thì phòng Giáo dục và đào tạo huyện H có quyết định chuyển bà Ph về làm kế toán trường mầm non A kể từ ngày 01/6/2014; năm 2014 bà Phúc được nâng lương bậc 3/12; ngày 19/10/2016 nâng lương bậc 4/12, hệ số 2,46. Năm (2017, 2018) do bà Ph không hoàn thành nhiệm vụ nên không nâng bậc lương và kéo dài đến ngày 17/12/2018 thì hiệu trưởng trường mầm non A có quyết định chấm dứt hợp đồng làm việc đối với bà Phúc.

Về xác định lương: Đơn vị nào hợp đồng thì đơn vị đó trả lương, nguồn kinh phí là từ ngân sách bỏ về. Khi được bổ nhiệm ngạch viên chức về trường mầm non Ân Tường Đ thì hiệu trưởng trường mầm non Ân Tường Đ ký hợp đồng làm việc không xác định thời hạn đối với bà Phúc và trả lương cho bà Ph. Ủy ban nhân dân huyện H giao cho Phòng giáo dục và đào tạo huyện H hướng dẫn trường thực hiện hợp đồng theo quy định của Nghị định 116/2003/NĐ-CP và thông tư số: 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012. Khi bà Phúc có quyết định chuyển về trường mầm non A thì Phòng Giáo dục và đào tạo huyện H là cơ quan có quyết định chuyển. Hiệu trưởng trường mầm non Ân Tường Đ phải có biên bản về việc chấm dứt hợp đồng làm việc tại đơn vị cũ và thông báo thôi trả lương đối với bà Phúc cho đơn vị mới biết. Hiệu trưởng trường mầm non A ký hợp đồng làm việc không xác định thời hạn đối với bà Ph và trả lương cho bà Ph theo quy định. Trường hợp chuyển công tác đi hoặc tiếp nhận viên chức ngoài phạm vi hành chính huyện thì do Ủy ban nhân dân huyện quyết định. Tất cả các tài liệu, hồ sơ viên chức của bà Ph là do trường mầm non A giữ và cá nhân bà Phúc giữ, có thể phòng Giáo dục và đào tạo huyện lưu giữ, còn phòng nội vụ không lưu giữ.

Về việc hiệu trưởng trường mầm non A có quyết định chấm dứt hợp đồng làm việc đối với bà Ph: Đây là trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng theo quy định của pháp luật. Trước tiên hiệu trưởng báo cáo về phòng Giáo dục và đào tạo, sau đó phòng Giáo dục và đào tạo báo cáo xin chủ trương Ủy ban nhân dân huyện H, Ủy ban nhân dân huyện H có chủ trương đề phòng Giáo dục và đào tạo thông báo chủ trương về cho trường và hướng dẫn ban hành Quyết định chấm dứt hợp đồng làm việc đối với bà Ph. Do đó, quyết định chấm dứt hợp đồng làm việc đối với bà Ph thì phòng Giáo dục huyện cũng như Ủy ban nhân dân huyện H đều biết. Lý do: 02 năm liên tiếp bà Ph không hoàn thành nhiệm vụ. Quyết định chấm dứt hợp đồng làm việc của hiệu trưởng trường mầm non A đối với bà Ph là đúng pháp luật được quy định tại Điều 29 của luật viên chức năm 2010. Quan điểm của Ủy ban nhân dân huyện H. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà Ph đối với hiệu trưởng trường mầm non A.

Về lý do trường mầm non A, phòng Giáo dục và đào tạo huyện H không có hồ sơ, tài liệu hợp đồng, tài liệu về viên chức để cung cấp cho Tòa án theo báo cáo của hiệu trưởng trường mầm non A, khi bà Ph nghỉ việc không bàn giao toàn bộ hồ sơ, tài liệu lúc đó bà Ph làm kiêm nhiệm văn phòng được nhà trường giao quản lý. Việc này trường có báo cáo cho phòng Giáo dục và đào tạo huyện và phòng Giáo dục và đào tạo huyện có báo cáo cho Ủy ban nhân dân huyện H biết, còn việc xử lý như thế nào, đến đâu thì phòng Giáo dục và đào tạo huyện chưa có báo cáo cụ thể.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng Giáo dục và đào tạo huyện H ông Võ Tr trình bày:

Quá trình tuyển dụng bà Trần Nữ Ph về làm kế toán trường mầm non Ân Tường Đông, phòng Giáo dục và đào tạo huyện có hướng dẫn cho trường tiến hành hợp đồng với bà Ph. Quyết định chuyển bà Ph về trường mầm non A, nâng bậc lương thường xuyên đối với bà Ph như đại diện Ủy ban nhân dân huyện H đã trình bày cho Tòa án là hoàn toàn đúng, đầy đủ.

Đại diện phòng Giáo dục và đào tạo huyện H bổ sung thêm: Thông thường hợp đồng làm việc thì trường giữ 01 bản, người ký hợp đồng (bà Ph) giữ 01 bản. Hồ sơ gồm các tài liệu, văn bằng viên chức của bà Ph đều được Nhà trường giao cho bà Ph đến nộp cho đơn vị mới theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và đào tạo, Trường mầm non A có số lượng viên chức ít nên hiệu trưởng của trường giao bà Ph là kế toán kiêm nhiệm công tác văn phòng lưu trữ hồ sơ viên chức của trường. Bà Phúc có hộ khẩu ở B, huyện H nên được chuyển về trường mầm non A khi có một nhân viên nghỉ hưu theo chế độ. Về Công văn số 173/CV-GDĐT ngày 09/10/2018 là theo chủ trương của Ủy ban nhân dân huyện H thực hiện chỉ đạo, hướng dẫn để trường mầm non A thực hiện quy trình “Chấm dứt hợp đồng làm việc” đối với bà Ph là có căn cứ, đúng pháp luật; đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Bản án lao động sơ thẩm số: 01/2020/LĐ-ST ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định quyết định:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Trần Nữ Ph.

Không xem xét ý kiến của hiệu trưởng trường mầm non A (Trần Thị L).

Không xem xét ý kiến của đại diện Ủy ban nhân dân huyện H.

Không xem xét ý kiến của đại diện phòng Giáo dục và đào tạo huyện H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí lao động sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 20/3/2020 bà Trần Nữ Ph kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 01/2020/LĐ-ST ngày 09/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện H.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về Tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) hủy Bản án sơ thẩm số: 01/2020/DS-ST ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện H giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bà Trần Nữ Ph, HĐXX thấy rằng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm có những vi phạm như sau:

[1.1] Trong hồ sơ vụ án không có đơn khởi kiện mà chỉ có: “ Đơn bổ sung đơn khởi kiện ngày 24/3/2019 (V/v: Yêu cầu Tòa án hủy Quyết định hành chính sai trái...)” đề ngày 26/7/2019 kèm theo Phiếu chuyển số: 2738/PC-TA ngày 30/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, chuyển Đơn khởi kiện vụ án hành chính của bà Trần Nữ Ph cho Tòa án nhân dân huyện H giải quyết theo thẩm quyền (BL: 17, 18, 19) và Đơn khởi kiện bổ sung ngày 02/4/2019 (BL: 31), nhưng Tòa án nhân dân huyện H lại thụ lý giải quyết vụ án khi không có đơn khởi kiện là vi phạm quy định 189, khoản 1 Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình khởi kiện và giải quyết vụ án, bà Trần Nữ Ph và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phúc đã nhiều lần khẳng định bà Phúc kiện vụ án hành chính theo quy định tại Điều 118, 125 của Luật tố tụng hành chính chứ không khởi kiện vụ án lao động, lẽ ra cấp sơ thẩm phải trả đơn khởi kiện hoặc thụ lý vụ án hành chính theo Phiếu chuyển số: 2738/PC-TA ngày 30/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định và trong quá trình giải quyết vụ án nếu xét thấy quyết định mà bà Phúc yêu cầu hủy không phải là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính (quyết định hành chính mang tính nội bộ của cơ quan, tổ chức) thì cấp sơ thẩm ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 6 Điều 3, điểm c khoản 1 Điều 30 Điều, 143, Điều 144 và Điều 165 của Luật tố tụng hành chính, nhưng ở đây cấp sơ thẩm lại thụ lý vụ án lao động là vi

phạm quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, người khởi kiện được quy định tại Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 8 của Luật tố tụng hành chính, làm ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Mặt khác, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật của vụ án là *“Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, về bồi thường thiệt hại khi chấm dứt hợp đồng”* là chưa chính xác, mà quan hệ pháp luật của vụ án phải là: *“Đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc và giải quyết các chế độ khi chấm dứt hợp đồng làm việc”*, bởi vì bà Trần Nữ Ph là viên chức bị chấm dứt hợp đồng làm việc theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 29 Luật viên chức năm 2010 và việc giải quyết chế độ cho bà Phúc được quy định tại Điều 45 Luật viên chức năm 2010.

[1.2] Cấp sơ thẩm xác định Ủy ban nhân dân huyện H và Phòng giáo dục đào tạo huyện H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là đúng quy định tại khoản 4 điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự, bởi lẽ hai cơ quan này liên quan đến việc tuyển dụng, bổ nhiệm, quản lý Đơn vị sự nghiệp công lập, chấm dứt hợp đồng làm việc cũng như giải quyết các chế độ khi chấm dứt hợp đồng làm việc đối với bà Ph. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chỉ tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa nguyên đơn và bị đơn mà không tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với toàn bộ các đương sự là vi phạm nghiêm trọng quy định tại điểm g khoản 2 Điều 203, khoản 1 Điều 205, khoản 1 Điều 208 và điểm c khoản 1 Điều 209 của Bộ luật tố tụng dân sự, vì việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải với thành phần tham gia là tất cả các đương sự là thủ tục tố tụng bắt buộc.

[1.3] Tòa án cấp sơ thẩm nhận định *“...Thế nhưng tại tòa, chị Ph không cung cấp “bản hợp đồng làm việc” giữa Hiệu trưởng và chị Phúc theo quy định, để Tòa án có tài liệu, chứng cứ xem xét...”*. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm nhận định nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để chứng minh trong vụ án này thuộc về bà Ph là trái pháp luật, bởi lẽ: Tại điểm b khoản 1 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự đã quy định về nghĩa vụ chứng minh: *“ b) Đương sự là người lao động trong vụ án lao động mà không cung cấp, giao nộp được cho Tòa án tài liệu, chứng cứ ... thì người sử dụng lao động có trách nhiệm cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ đó cho Tòa án....Người khởi kiện vụ án đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động... thì nghĩa vụ chứng minh thuộc về người sử dụng lao động;”*. Cấp sơ thẩm lấy lý do bà Ph không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để bác yêu cầu khởi kiện đòi tiền lương, trợ cấp thôi việc, trợ

cấp mất việc làm (BL: 33)... của bà Phúc là trái với quy định tại Điều 45 Luật viên chức năm 2010, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Ph.

[1.4] Trong phần nhận định của bản án sơ thẩm có thể hiện việc Hội đồng xét xử có xem xét ý kiến của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng trong phần quyết định của bản án lại ghi không xem xét ý kiến của họ là có sự mâu thuẫn trong cùng một bản án. Cấp sơ thẩm cho rằng bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập nên không xem xét ý kiến của họ là không đúng, bởi vì những người này có quyền có ý kiến phản đối yêu cầu của người khác được quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.5] Cấp sơ thẩm buộc bà Phúc phải nộp 300.000 đồng án phí lao động sơ thẩm là vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa XIV, vì bà Ph được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí khi khởi kiện vụ án lao động đòi tiền lương, trợ cấp mất việc làm...

[2] Từ những phân tích trên, xét thấy cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 91, điểm g khoản 2 Điều 203, khoản 1 Điều 205, khoản 1 Điều 208, điểm c khoản 1 Điều 209 và các quy định tại Chương VII của bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 45 Luật viên chức năm 2010; điểm a khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được nên phải hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện H giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Kháng cáo của bà Trần Nữ Ph là có căn cứ nên được HĐXX phúc thẩm chấp nhận.

[3] Về án phí: Theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, thì án phí sơ thẩm sẽ được giải quyết khi giải quyết lại vụ án. Bà Trần Nữ Ph không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm cũng như về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Tuyên xử:

Chấp nhận kháng cáo của bà Trần Nữ Ph. Hủy Bản án lao động sơ thẩm số: 01/2020/LĐ-ST ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được giải quyết khi giải quyết lại vụ án.

2.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Nữ Ph không phải chịu.

3. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện H giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND H. H;
- CCTHADS H. H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Công Phương

